

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 20-6-2023
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca và bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phú- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 268/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22A/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25-5-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Thu H, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Trần Quốc H2, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-11-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Cao Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Quốc H2 được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo vào ngày 27-02-2019. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 9-2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H2 không tu chí làm ăn, nợ lẩn. Nhiều lần chị H2 khuyên giải nhưng anh H2 không nghe. Do vậy vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 2-2022 anh chị sống ly thân, mặc dù sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không còn quan tâm đến nhau. Đến tháng 11-2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị và anh H2 không còn liên lạc gì với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh H2.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 05-12-2019. Hiện nay cháu đang ở với chị. Nay vợ chồng chị ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập trung bình từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/ tháng. Sau khi ly hôn chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án có gửi thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H2. Anh H2 không có nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu trên theo quy định của pháp luật. Anh H2 không đến Tòa án làm việc. Qua làm việc với ông Trần Hữu Việt và bà Phạm Thị Thắm là bố mẹ đẻ của anh H2 trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Trần Quốc H2. Chị H là con dâu của ông bà. Năm 2019 anh H2 và chị H kết hôn với nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi. Quá trình chung sống anh H2 và chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi chung sống chị H và anh H2 cùng làm công nhân của Công ty nhôm Đông Á. Sau đó có người nói với anh H2 là chị H có người đàn ông khác. Ngoài ra anh H2 không biết chơi bởi như thế nào có nợ mấy chục triệu. Chị H có vay tiền để trả nợ cho anh H2. Đến tháng 11-2022 chị H thu dọn toàn bộ đồ đạc và đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình đã gặp gỡ hoà giải nhưng không được. Vì tháng 8-2022 anh H2 đã bỏ đi vào miền nam, địa chỉ cụ thể của anh H2 ở đâu thì ông bà không nắm được. Ông bà đã nhiều lần đến đón mẹ con chị H nhưng chị không về. Nay chị H xin ly hôn anh H2 thì quan điểm của anh H2 đề nghị giải quyết được ly hôn theo quy định. Vì anh H2 có điện về cho ông bà biết việc chị H xin ly hôn. Anh không cần níu kéo chị H. Gia đình ông bà không cần một người con dâu thiếu tôn trọng ông bà. Anh chị có 01 con chung là Trần Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 05-12-2019. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con thì ông bà cũng nhất trí.

Xác minh với ông Lê Văn Cường trưởng thôn Bắc Đẩu xác định: Anh Trần Quốc H2 sinh năm 1990 là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc Đẩu, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh H2

đã đi làm ở miền nam. Còn ai H2 làm ăn địa chỉ cụ thể ở đây thì địa phương không nắm được.

Năm 2019 anh H2 và chị H kết hôn, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì địa phương không nắm được. Anh chị hiện nay sống ly thân. Chị H xin ly hôn anh H2 quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 01 con chung hiện nay đang ở cùng với chị H.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt vắng mặt chị vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại quá trình giải quyết. Anh H2 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Thu H được ly hôn anh Trần Quốc H2.

Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 05-12-2019 cho chị Cao Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Cao Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Cao Thị Thu H yêu cầu xin ly hôn anh Trần Quốc H2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc Đẩu, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Bị đơn là anh Trần Quốc H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 mà vắng mặt. Chị Cao Thị Thu H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H2.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Thu H và anh Trần Quốc H2 đã được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo vào ngày 25-12-2017 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 11-2022 đến nay. Xác minh tại gia đình và địa phương đều thể hiện anh chị hiện nay sống ly thân không còn quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị được ly hôn anh H2 là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 05-12-2019. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị H và ông bà ngoại. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu. Xét nguyện vọng của chị là phù hợp với quy định của pháp luật, mặt khác cháu Ánh còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên chấp nhận giao con chung là Trần Thị Ngọc A cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên đặt ra việc giải quyết. Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của anh H2, nếu trường hợp anh có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị Cao Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Thu H được ly hôn anh Trần Quốc H2.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 05-12-2019 cho chị Cao Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Quốc H2 có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0003217 ngày 13-12-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Dương sự;
- UBND xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt